

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI NHÂN VĂN

ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC PHẦN
Học kỳ I, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Viết tiếng Trung 5	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 231_71MAW540213	Mã nhóm lớp học phần: 231_71MAW540213_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Nâng cao thêm vốn từ vựng hơn 700 từ, và vận dụng kiến thức từ vựng để xác nhận từ loại, chức năng, điểm giống và khác nhau giữa các từ đồng/ cận nghĩa.	Trắc nghiệm	15% 15%	Phần 1 Phần 2	1.4 1.6	
CLO 2	Vận dụng thành thực các cấu trúc ngữ pháp trong bài để ứng dụng vào bài tập liên quan	Tự luận	25% 25% 20%	Phần 1 Phần 2 Phần 3	3.0 2.5 1.5	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

I. Thông tin chung

Học phần: Viết tiếng Trung 5	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 231_71MAW540213	Mã nhóm lớp học phần: 231_71MAW540213_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

PHẦN MỘT

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 1 (0.2 điểm): 这种 () 事件, 是很难预料的。

- A. 突然 C. 当然
B. 忽然 D. 既然

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 2 (0.2 điểm): 她脸上的笑容是装 () 的, 其实, 她的心里好苦。

- A. 出来 C. 起来
B. 出去 D. 过来

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 3 (0.2 điểm): 都快九点了, 又下这么大的雨, 今天 () 她不来了。

- A. 没准儿 C. 不可能
B. 不一定 D. 没什么

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 4 (0.2 điểm): () 你们都决定的事情, 那 () 问我干什么?

- A. 既然...还... C. 既然...就...
B. 因为...又... D. 无论...都...

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 5 (0.2 điểm): 社会越来越发展, () 人心越来越冷漠。

A. 而

C. 和

B. 却

D. 还

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 6 (0.2 điểm): 我非常满意, () 这次考试全部成绩都在九十分以上。

A. 因为

C. 为

B. 因此

D. 为了

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 7 (0.2 điểm): 她从小在北京长大, 汉语说得很 (), 开始时我还以为她是中国人呢。

A. 地道

C. 顺利

B. 流利

D. 便利

ANSWER: A

PHẦN HAI

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 1 (0.2 điểm): 我想 (A) 用 (B) 你的 (C) 词典 (D), 可以吗? 【一下儿】

A. (B)

B. (A)

C. (C)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 2 (0.2 điểm): 我打算 (A) 放 (B) 假 (C) 就去南方旅行 (D)。【了】

A. (B)

B. (D)

C. (C)

D. (A)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 3 (0.2 điểm): 生活中, (A) 人们见得更多的是 (B) 男人的坚强, (C) 他们普遍感到 (D) 很累。【其实】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 4 (0.2 điểm): (A) 没想到他 (B) 这样自私, 我 (C) 是 (D) 了解他了。【算】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 5 (0.2 điểm): (A) 这个问题 (B) 到现在 (C) 还没有解决, (D) 已经想了不少办法。【尽管】

A. (D)

B. (A)

C. (B)

D. (C)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 6 (0.2 điểm): 老师公布了被国家派到中国留学的学生名单 (A), (B) 我是 (C) 的一个 (D)。【其中】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 7 (0.2 điểm): (A) 不管 (B) 有 (C) 困难, (D) 也要坚持下去。【什么】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 8 (0.2 điểm): (A) 刚到 (B) 北京的时候, 感到 (C) 都是 (D) 那么新鲜。【一切】

A. (C)

B. (A)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

PHẦN MỘT

SỬA CÂU SAI

Câu 1 (0.5 điểm): 火车站人很多，所以我们要等一等很长时间。

Đáp án Câu 1: 火车站人很多，所以我们要等很长时间。

SỬA CÂU SAI

Câu 2 (0.5 điểm): 余辉一连三天不上课了。

Đáp án Câu 2: 余辉一连三天没上课了。

SỬA CÂU SAI

Câu 3 (0.5 điểm): 老师的问题，我不但不会回答，他也不会回答。

Đáp án Câu 3: 老师的问题，不但我不会回答，而且他也不会回答。

SỬA CÂU SAI

Câu 4 (0.5 điểm): 她是我的老师，并是我的朋友。

Đáp án Câu 4: 她是我的老师，并不是我的朋友。 / 她是我的老师，也是我的朋友。

SỬA CÂU SAI

Câu 5 (0.5 điểm): 我为没有读过那本小说而且感到遗憾。

Đáp án Câu 5: 我为没有读过那本小说而感到遗憾。

SỬA CÂU SAI

Câu 6 (0.5 điểm): 她已经偷偷病了好几天了，我们都不知道。

Đáp án Câu 6: 她已经病了好几天了，我们都不知道。

PHẦN HAI

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 1 (0.5 điểm): 说着说着 / 笑了 / 突然 / 她 / 起来

Đáp án Câu 1: 她说着说着突然笑了起来。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 2 (0.5 điểm): 都 / 瞒下去 / 这件事 / 对 / 再 / 没有好处 / 大家

Đáp án Câu 2: 这件事再瞒下去对大家都没有好处。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 3 (0.5 điểm): 你/ 我/ 也/ 那件事/ 不知道/ 说的/ 一点儿

Đáp án Câu 3: 你说的那件事我一点儿也不知道。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 4 (0.5 điểm): 会/ 任何地区/ 的/ 有/ 自己/ 都/ 风俗习惯

Đáp án Câu 4: 任何地区都会有自己的风俗习惯。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 5 (0.5 điểm): 接着/ 他们/ 一会儿/ 再排练/ 休息

Đáp án Câu 5: 他们休息一会儿接着再排练。

PHẦN BA

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 1 (0.5 điểm): 从那次跟他见面以后, _____。(至今)

Đáp án Câu 1: 从那次跟他见面以后, 至今还没见过他。

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 2 (0.5 điểm):

A: 听说你妈妈住院了, 你要不要回家去看看?

B: 我 _____, 我很想回家去看看, 可是马上要考试了。
(矛盾)

Đáp án Câu 2: B: 我 挺矛盾的, 我很想回家去看看, 可是马上要考试了。

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 3 (0.5 điểm): 吃了这种新药以后, _____。(果然)

Đáp án Câu 3: 吃了这种新药以后, 果然病情有好转。

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

TS. Nguyễn Tiến Lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Trương Mỹ Vân